CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH LOGISTICS

(Ban hành theo Quyết định số /2021/QĐ-TCQTMK ngày tháng 5 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp Quốc tế Mekong)

Mã MH/MĐ	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	**Các môn học chung**	**12**	**255**	**98**	**145**	**12**
MH01	Chính trị	2	30	28	0	2
MH02	Pháp luật	1	15	14	0	1
MH03	Giáo dục thể chất	1	30	0	29	1
MH04	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	2	45	14	29	2
MH05	Tin học	2	45	14	29	2
MH06	Ngoại ngữ	4	90	28	58	4
II	**Các môn học/mô đun chuyên môn**	**51**	**1215**	**350**	**814**	**51**
II.1	***Các môn học/mô đun cơ sở***	**15**	**300**	**140**	**145**	**15**
MH07	Kinh tế học	2	45	14	29	2
MH08	Pháp luật kinh tế	2	30	28	0	2
MH09	Kinh tế quốc tế	2	45	14	29	2
MH10	Quản trị học	2	30	28	0	2
MH11	Thống kê kinh doanh	2	45	14	29	2
MH12	Nguyên lý kế toán	2	45	14	29	2
MH13	Marketing căn bản	1	15	14	0	1
MH14	Thuế	2	45	14	29	2

Mã MH/MĐ	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
II.2	***Các môn học/mô đun chuyên môn***	**32**	**735**	**210**	**493**	**32**
MH15	Logistics	3	60	28	29	3
MH16	Quản trị sản xuất	2	45	14	29	2
MH17	Tài chính	2	45	14	29	2
MH18	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	3	75	14	58	3
MH19	Vận tải và giao nhận xuất nhập khẩu	3	75	14	58	3
MH20	Dịch vụ khách hàng	2	45	14	29	2
MH21	Nghiệp vụ phân phối	3	75	14	58	3
MH22	Nghiệp vụ kho hàng và tồn kho	3	75	14	58	3
MH23	Nghiệp vụ vật tư và mua hàng	3	75	14	58	3
MH24	Bảo hiểm vận tải	2	45	14	29	2
MH25	Anh văn chuyên ngành Logistics	2	30	28	0	2
MH26	Vận tải đa phương thức	2	45	14	29	2
MH27	Chuỗi cung ứng	2	45	14	29	2
II.3	***Thực tập tốt nghiệp***	**4**	**180**	**0**	**176**	**4**
MĐ28	Thực tập tốt nghiệp	4	180	0	176	4
Tổng cộng (I+II)		**63**	**1470**	**448**	**959**	**63**